TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2019
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Chuộng
2. Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký pH tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1998.
ĐKHK: Thôn T, xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ: Đội 5, xã K, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương.

(Chị H và anh T vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 01 tháng 02 năm 2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống, anh chị nảy sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không có tính quyết đoán trong mọi vấn đề, luôn nghe lời bố mẹ và người thân trong gia đình anh. Bản thân anh T không tôn trọng chị và gia đình chị. Bên cạnh đó vợ chồng có luồng tư tưởng, suy nghĩ trái ngược nhau dẫn đến không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ rất nhiều lần nhưng vì suy nghĩ cho con nhỏ nên chị H đã về tiếp tục chung sống cùng anh T. Mặc dù trong cuộc sống chị nhiều lần khuyên bảo, góp ý với anh T nhưng anh không hề thay đổi quan điểm, suy nghĩ dẫn đến vợ chồng không thể hàn gắn được. Do mâu thuẫn căng thẳng lên tháng 6/2019, anh T có bảo với chị rằng nếu không ở được thì làm đơn xin ly hôn để anh T ký. Do đó, chị đã làm đơn và cùng ký tên với anh T. Ngay hôm đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại K – KT từ cho đến nay. Kể từ đó anh chị chính thức ly thân, không ai liên quan gì đến ai. Anh T cũng không hề gọi điện, hay đến động viên đón chị về.

Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương vào ngày 01 tháng 02 năm 2016. Trước khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống cùng với nhau. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T,xã M, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng không nảy sinh mâu thuẫn nhưng không biết vì lý do gì mà chị H đã 2 lần bỏ về nhà ngoại ở huyện Kim Thành, những lần đó anh đều đến đón chị H về để tiếp tục chung sống cùng nhau. Tuy nhiên lần gần đây nhất là tháng 6/2019 chị H lại tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, lần này anh không đón chị H về nữa vì anh xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau mà anh chỉ gọi điện hỏi thăm con chung. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nữa, chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Nay vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu như chị H không nuôi dưỡng được con chung thì anh sẽ nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có gì nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày giữ nguyên quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 228;khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016 cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị H, bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chi H và anh T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Tư Đa, xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được tự nguyện tìm hiểu và được làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/02/2016 nên được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do giữa anh chị không có sự thương yêu và quý trọng nhau. Mặt khác hai bên khác biệt nhau về quan điểm sống, không thống nhất được cách làm ăn, cũng như sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Do không cải thiện được hạnh phúc gia đình, chị H bỏ về nhà ngoại ở từ tháng 6/2019 cho đến nay. Từ đó hai bên cũng không

gặp gỡ nhau để hàn gắn đoàn tụ mà bỏ mặc cho hạnh phúc gia đình đổ vỡ. Tại pH tòa hôm nay chị H và anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, song trong giai đoạn thu thập chứng cứ chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng đoàn tụ đều có quan điểm đề nghị được ly hôn. Do vậy căn cứ Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận xử cho chị H và anh T được ly hôn để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Vy vẫn đang ở cùng với chị H. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Vy. Xét thấy việc giao nuôi dưỡng con chung phải căn cứ vào các điều kiện vật chất, tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu. Bên cạnh đó bản thân anh T cũng đồng ý cho chị H nuôi dưỡng cháu nếu như chị có nguyện vọng nên cần thiết giao cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế cũng như phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51,55, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 01 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1].Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2].Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 30/4/2016 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4].Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2017/0008014 ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[5].Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Kinh Môn;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
-Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
-Lưu: hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TOÀ

Nguyễn Thị Thụy